

| | | | |
|------------|------------------|---------|---------|
| Ngày | 5,830 VNĐ | | |
| 28/06/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -2.8% | 11.7% | -15.5% |

| | | |
|-----|-------------|-------------------|
| | Q2/24 | |
| ROE | 0.1% | +/- YoY ▼ 1.4% |

| | | | |
|----------|-------------|---------|---------|
| | Q2/24 | | |
| DT thuần | 8.88 | QoQ | YoY |
| | | ▼ 52.5% | ▼ 59.0% |
| | tỷ VNĐ | ▼ 85.5% | ▼ 86.9% |

| | | |
|----------|-------------|----------------|
| | 6T 2024 | |
| DT thuần | 70.3 | YoY ▼ 34.7% |
| | tỷ VNĐ | ▼ 33.3% |

| | | | |
|--------|-------------|---------|---------|
| | Q2/24 | | |
| LN gộp | 2.04 | QoQ | YoY |
| | | ▼ 0.87 | ▼ 2.83 |
| | tỷ VNĐ | ▼ 29.9% | ▼ 58.1% |

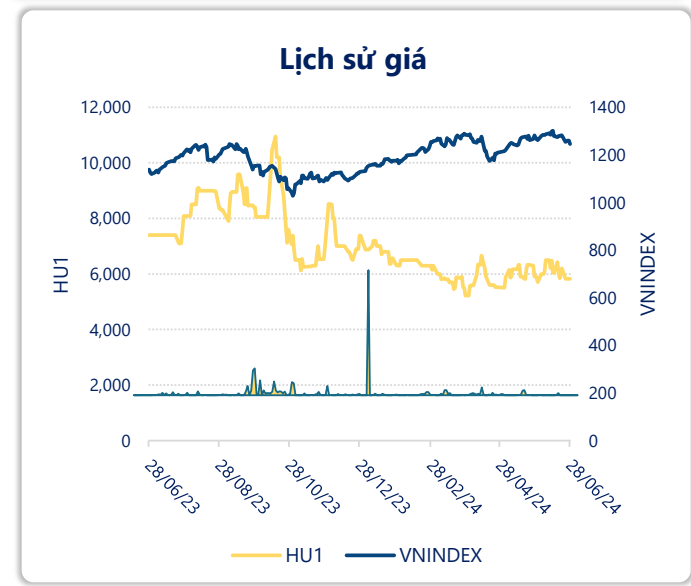
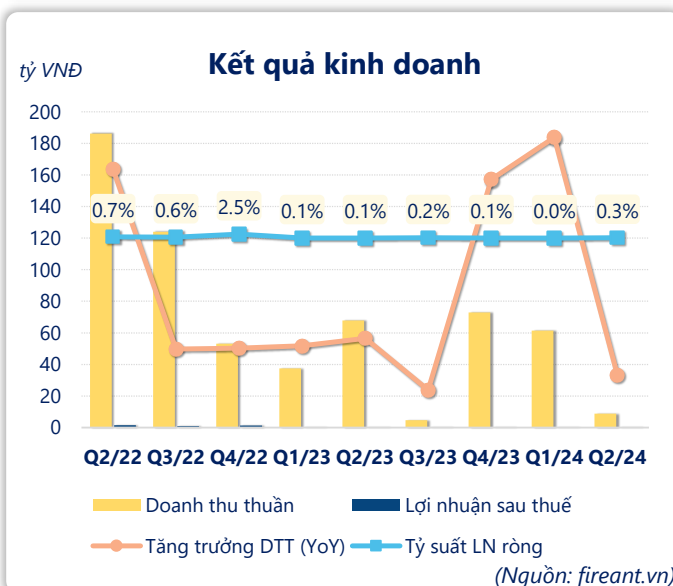
| | | |
|--------|-------------|---------------|
| | 6T 2024 | |
| LN gộp | 4.95 | YoY ▼ 1.54 |
| | tỷ VNĐ | ▼ 23.7% |

| | | | |
|----------|--------------|--------|--------|
| | Q2/24 | | |
| LN thuần | -0.17 | QoQ | YoY |
| | | ▼ 1.38 | ▼ 0.27 |
| | tỷ VNĐ | ▼ 114% | ▼ 275% |

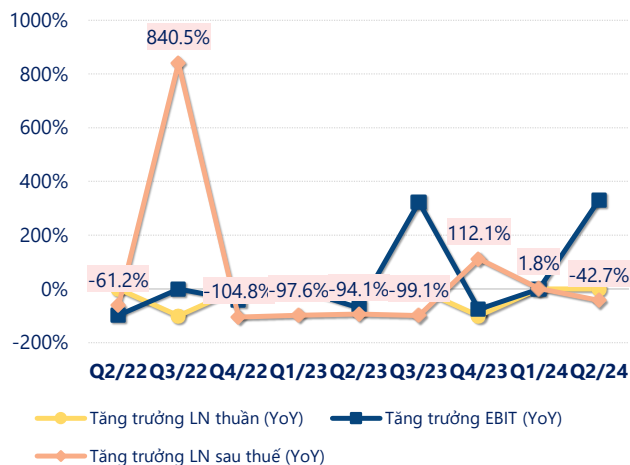
| | | |
|----------|-------------|---------------|
| | 6T 2024 | |
| LN thuần | 1.03 | YoY ▲ 0.87 |
| | tỷ VNĐ | ▲ 543% |

| | | | |
|-------------|-------------|--------|---------|
| | Q2/24 | | |
| LN sau thuế | 0.04 | QoQ | YoY |
| | | ▲ 0.02 | ▼ 0.03 |
| | tỷ VNĐ | ▲ 123% | ▼ 36.4% |

| | | |
|-------------|-------------|---------------|
| | 6T 2024 | |
| LN sau thuế | 0.06 | YoY ▼ 0.06 |
| | tỷ VNĐ | ▼ 45.1% |

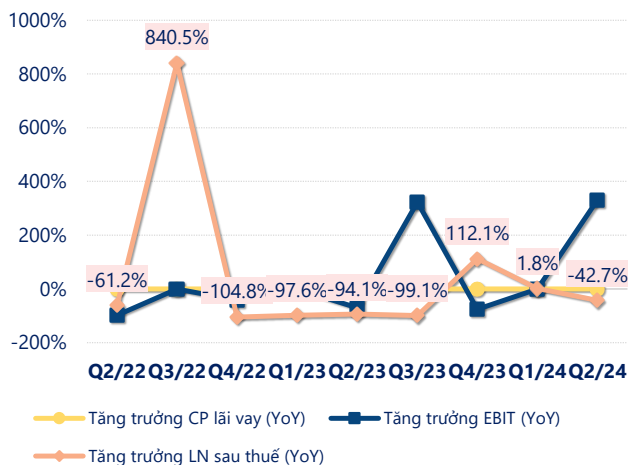


Tăng trưởng lợi nhuận



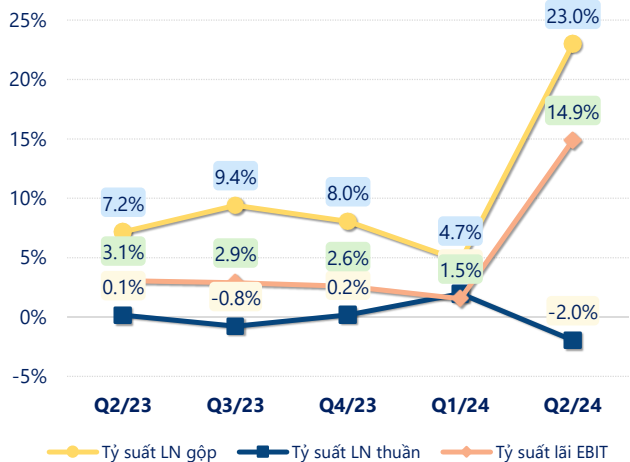
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



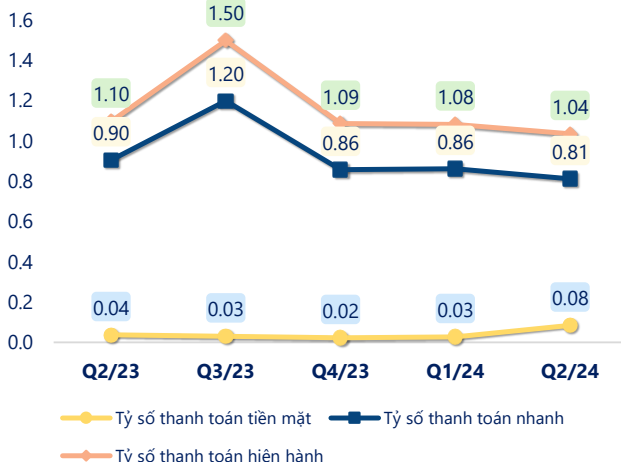
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



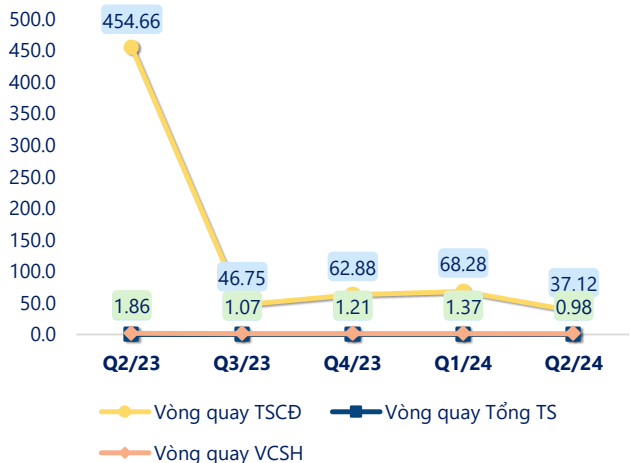
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



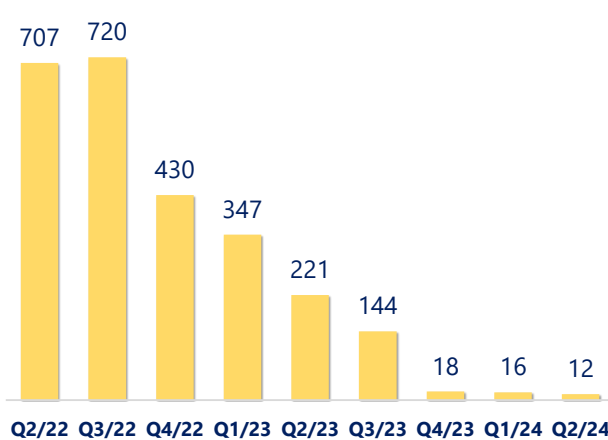
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS



(Nguồn: fireant.vn)

| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q2/24 | Q2/23 | Thay đổi YoY | 6T 2024 | 6T 2023 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|--------------|--------------|-----------------|--------------|--------------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 8.88 | 67.9 | -86.9% | 70.3 | 105 | -33.3% |
| Giá vốn hàng bán | 6.84 | 63.0 | -89.1% | 65.3 | 98.9 | -34.0% |
| Lợi nhuận gộp | 2.04 | 4.87 | -58.1% | 4.95 | 6.49 | -23.7% |
| Doanh thu HĐTC | 0.23 | 0.22 | 4.3% | 0.28 | 0.41 | -30.6% |
| Chi phí TC | 1.27 | 1.99 | -36.3% | 2.18 | 3.21 | -32.1% |
| Chi phí lãi vay | 1.27 | 1.99 | -36.3% | 2.18 | 3.21 | -32.1% |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí bán hàng | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí QLDN | 1.18 | 3.00 | -60.7% | 2.02 | 3.53 | -42.7% |
| LN thuần từ HĐKD | -0.17 | 0.10 | -275% | 1.03 | 0.16 | 543% |
| Lợi nhuận khác | 0.23 | -0.01 | 2404% | -0.95 | -0.01 | -8422% |
| LN trước thuế | 0.06 | 0.09 | -38.1% | 0.09 | 0.15 | -40.8% |
| Lợi nhuận sau thuế | 0.04 | 0.07 | -36.4% | 0.06 | 0.12 | -45.1% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 0.03 | 0.06 | -56.1% | 0.04 | 0.10 | -55.4% |

(Nguồn: fireant.vn)

